

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2021/HS-ST**
Ngày 23/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Mạnh Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Quan Văn Ngụ**
2. Ông **Lương Quang Toán**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân huyện Na Hang tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2021/HSST ngày 09/9/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HS ngày 10/9/2021 đối với bị cáo:

1. **Triệu Nguyên Q**, sinh ngày 04/7/1990; nơi sinh: Huyện NH, tỉnh TQ; nơi cư trú: Thôn BN, xã NK, huyện NH, tỉnh TQ; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Triệu Văn P và bà Bàn Thị G; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2021 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Lý Càn S**, sinh ngày 19/10/1983; nơi sinh: Huyện LB, tỉnh TQ; nơi cư trú: Thôn ĐB, xã MH, huyện HY, tỉnh TQ; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lý Càn T và bà Lý Thị V; Có vợ: Lý Thị M và 04 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2021 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 07/3/1993; nơi sinh: Huyện NH, tỉnh TQ; nơi ĐKKTT: Xóm MH, xã KM, huyện KS, tỉnh NB; nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn NH, huyện NH, tỉnh TQ; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Đ; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Triệu Nguyên Q và Lý Càn S:** Bà Hà Minh Phương – Luật sư, Văn phòng luật sư Minh Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang (Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý). Có mặt.

- **Người phiên dịch cho bị cáo Triệu Nguyên Q và Lý Càn S:** Ông Lý Hữu Hưng; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Bị hại:** UBND xã KT, huyện NH, tỉnh TQ; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền bà Nông Thị N – Phó chủ tịch. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian tháng 9/2020 và tháng 11/2020, Triệu Nguyên Q, sinh năm 1990; Lý Càn S, sinh năm 1983; Bàn Hữu K, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 đã cùng thực hiện hành vi Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, cụ thể như sau:

- **Lần 01:** Vào khoảng tháng 9/2020 (*không nhớ rõ ngày cụ thể*), Triệu Nguyên Q và Bàn Hữu K cùng rủ nhau lên khu rừng đặc dụng thuộc thôn T, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ tìm khai thác cây gỗ Nghiến làm thốt bán. Sau khi bàn bạc thống nhất Q hỏi mượn được: 01 thuyền sắt của anh Ma Văn Ng; 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365 của Phạm Công M và chuẩn bị thêm các dụng cụ, gồm: xăng, dầu nhớt, dao và đèn pin...(quá trình hỏi mượn thuyền, cưa xăng Q và K nói với chủ sở hữu là đi lấy củi). Trên đường đi đến địa điểm khai thác gỗ Q, K rủ thêm Lý Càn S (S đang làm thuê tại khu vực Bền hồ thủy điện TQ) đi khai thác gỗ Nghiến cùng, S đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Q, S, K đi thuyền sắt theo lòng hồ thủy điện Tuyên Quang lên khu vực rừng thuộc thôn T, xã KT, huyện NH, tỉnh TQ. Đến nơi K đậu thuyền vào bờ rồi cùng Q, S mang theo máy cưa xăng và các dụng cụ cần thiết đi bộ vào bên trong rừng thì phát hiện 01 cây gỗ Nghiến cao khoảng 15m, đường vành khoảng 200cm có thể xẻ làm thốt. Sau khi S phát xung quanh gốc cây, Q dùng máy cưa xăng trực tiếp cắt 02 đường vào thân cây (vết cắt hình chữ v - cách mặt đất khoảng 60cm) khoảng 20 phút sau thì cây đổ. Sau đó Q,

S và K thực hiện các công đoạn: cắt khúc, kê đà. Trong quá trình xẻ gỗ do S bị thương nên dừng lại. Khoảng 01 tuần sau, Q, S và K tiếp tục lên xẻ được 08 đoạn gỗ Nghiến (dạng thót) đều có kích thước dày 20cm, đường kính 40cm. Sau đó cùng vận chuyển 08 đoạn gỗ Nghiến ra cách vị trí khai thác khoảng 200m để cất giấu rồi đi về nhà. Đến ngày 27/5/2021 Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng NH phát hiện và thu giữ (08 đoạn gỗ Nghiến nêu trên có tổng khối lượng 0,164m³).

- **Lần 02:** Vào khoảng tháng 11/2020 (*không nhớ rõ ngày cụ thể*) Triệu Nguyên Q, Bàn Hữu K gặp Nguyễn Văn T tại Bến thủy lòng hồ thủy điện TQ. Sau đó Q, K, T rủ nhau đi tìm và khai thác gỗ Nghiến làm thót bán. Khoảng 03 ngày sau Q, T và K đến cửa hàng ông Phạm Văn C mua 01 máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365, màu sơn đỏ, với giá 5.000.000 đồng (trong đó: T góp 4.000.000 đồng, Q góp 1.000.000 đồng); mua xăng, dầu nhớt,... Khoảng 16 giờ cùng ngày, Q, T, K mang theo các dụng cụ đã chuẩn bị và sử dụng thuyền sắt của gia đình T do em trai T là anh Nguyễn Văn T, điều khiển lên khu vực rừng đặc dụng P, thuộc thôn T, xã KT, huyện NH (T không biết hành vi khai thác trái phép gỗ Nghiến của Q và đồng phạm). Khi đến nơi T lái thuyền quay về còn Q, K và T mang theo dụng cụ vào trong rừng thì phát hiện 01 cây gỗ Nghiến cao khoảng 15m, đường vanh khoảng 200cm. Sau khi tìm được cây gỗ Nghiến có thể xẻ làm thót, T thực hiện nhiệm vụ canh gác; K lắp các phụ kiện vào máy cưa; còn Q trực tiếp dùng máy cưa xăng cắt 02 đường cưa vào thân cây (vết cắt hình chữ v, vị trí cắt cách mặt đất khoảng 01m), Q cắt trong khoảng thời gian khoảng 30 phút thì cây đổ. Trong quá trình sơ chế, Q là người trực tiếp dùng máy cưa xẻ gỗ thành phẩm (dạng thót) còn T, K cùng thực hiện nhiệm vụ kê đà và vận chuyển đến vị trí tập kết. Trong 03 đêm (liên tiếp) Q, T và K xẻ được 45 đoạn gỗ Nghiến dạng thót đều có đường kính 40cm (*trong đó 36 đoạn dày 18cm; 08 đoạn dày 10cm; 01 đoạn dày 05cm*) và vận chuyển về cất giấu ở nhiều vị trí khác nhau (trong đó: 30 đoạn cất giấu dưới mặt nước cạnh bờ hồ thủy điện TQ - cách nhà bè nuôi cá của gia đình T khoảng 300m; 02 đoạn quá trình vận chuyển bị nứt vỡ nên ném xuống lòng hồ; 09 đoạn cất giấu cách vị trí khai thác khoảng 300m; 04 đoạn bỏ tại vị trí khai thác). Sau khi khai thác xong trên đường quay về gặp Tổ công tác Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Na Hang tuần tra, do sợ bị phát hiện hành vi khai thác gỗ trái phép nên Q, T và K vứt máy cưa xăng và bỏ chạy, sau đó cả ba trốn khỏi nơi cư trú. Sau khi tiếp nhận nguồn tin và thụ lý theo thẩm quyền, quá trình điều tra xác minh Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng NH xác định: Triệu Nguyên Q, Lý Càn S, Bàn Hữu K và Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi khai thác trái phép 02 gỗ Nghiến nêu trên và chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang để thụ lý điều tra.

Tại các Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây của Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Na Hang xác định vị trí, loài cây do Triệu Nguyên Q cùng đồng phạm đã khai thác rừng trái phép, cụ thể như sau:

- Lần 01: Vị trí khai thác: tại lô 5, khoảnh 528 đối tượng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên thuộc khu vực rừng Thác Đồi, thôn Tát Kẽ, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Lâm sản bị thiệt hại: 01 cây gỗ Nghiến (thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA) có tổng khối lượng bị khai thác là $3,859\text{m}^3$ (trong đó: khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là $3,695\text{m}^3$; khối lượng gỗ mang ra khỏi hiện trường là $0,164\text{m}^3$).

- Lần 02: Vị trí khai thác: tại lô 2, khoảnh 554 đối tượng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên thuộc khu vực rừng Phia Buôn, thôn Tát Kẽ, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Lâm sản bị thiệt hại: 01 cây gỗ Nghiến (thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA) có tổng khối lượng bị khai thác là $7,165\text{m}^3$ (trong đó: khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là $6,409\text{m}^3$; khối lượng gỗ mang ra khỏi hiện trường là $0,756\text{m}^3$).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 06/KLĐG-HĐĐGTSTTHS ngày 10/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Na Hang, kết luận: 02 cây gỗ Nghiến thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA, có tổng khối lượng là $10,268\text{m}^3$ bị khai thác trái phép tại khu vực rừng đặc dụng là rừng tự nhiên thuộc thôn Tát Kẽ, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang có tổng giá trị là: 101.497.270 đồng (*Một trăm không một triệu, bốn trăm chín bảy nghìn, hai trăm bảy mươi đồng*). Trong đó:

+ 01 cây gỗ Nghiến có khối lượng $3,859\text{m}^3$, trong đó: gỗ tròn là $3,358\text{m}^3$; gỗ sơ chế thành dạng thót là $0,164\text{m}^3$; gỗ xẻ là $0,211\text{m}^3$ (quy tròn là $0,337\text{m}^3$), có tổng giá trị là: 39.644.710 đồng;

+ 01 cây gỗ Nghiến có khối lượng $6,409\text{m}^3$, trong đó: gỗ tròn là $4,428\text{m}^3$; gỗ sơ chế thành dạng thót là $0,138\text{m}^3$; gỗ xẻ là $1,152\text{m}^3$ (quy tròn là $1,843\text{m}^3$), có tổng giá trị là: 61.852.561 đồng;

Tại Kết luận định giá tài sản số: 20/KLĐG-HĐĐGTSTTHS ngày 16/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Na Hang, kết luận: 36 đoạn thót Nghiến tròn, có tổng khối lượng $0,756\text{m}^3$ đã bị lấy đi khỏi hiện trường tại lô 2 khoảnh 554 chức năng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên Phia Buôn có tổng giá trị là 7.427.472 đồng (*Bảy triệu, bốn trăm hai bảy nghìn, bốn trăm bảy hai đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Triệu Nguyên Q, Lý Càn S và Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây, vật chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 33/CT-VKSNH ngày 08/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang truy tố bị cáo Triệu Nguyên Q về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 232 của Bộ

luật hình sự; truy tố bị cáo Lý Cần S và Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Triệu Nguyên Q, Lý Cần S và Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Về hình phạt:

- Đề nghị căn cứ điểm e khoản 3 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Nguyên Q từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/6/2021.

- Đề nghị căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lý Cần S từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/6/2021.

- Đề nghị căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 02 tháng đến 02 năm 05 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 357, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Triệu Nguyên Q có nghĩa vụ bồi thường cho UBND xã KT, huyện NH số tiền 3.713.736 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện nộp số tiền để bồi thường cho UBND xã KT, huyện Na Hang là 3.715.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000890, ngày 23/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 3.715.000 đồng nêu trên.

Dành quyền khởi kiện cho bị cáo Q và T yêu cầu Bàn Hữu K hoàn trả số tiền mà các bị cáo đã liên đới bồi thường bằng một vụ án dân sự khác khi các bị cáo có yêu cầu.

Về vật chứng đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 17 đoạn gỗ nghiến tròn được xẻ thành dạng thót; 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365 màu đỏ, cưa không lắp lam xích.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc đèn pin vỏ nhựa màu đen.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Na Hang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang lập ngày 09/9/2021.

Ngoài ra đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo Triệu Nguyên Q. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm e khoản 3 Điều 232 của BLHS đối với bị cáo Triệu Nguyên Q, căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232 của BLHS đối với bị cáo Lý Càn S xử phạt các bị cáo mức án thấp trong khung hình phạt là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về xem xét hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây, lý lịch gỗ, vật chứng thu giữ phù hợp với kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 9/2020 và tháng 11/2020, Triệu Nguyên Q, Lý Càn S và Nguyễn Văn T đã cùng thực hiện hành vi Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, cụ thể:

- Lần 01: Khoảng tháng 9/2020 (không nhớ ngày cụ thể) tại lô 5, khoảnh 528 đối tượng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên thuộc khu vực rừng Thác Đồi, thôn Tát Kê, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, Triệu Nguyên Q, Lý Càn S có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Nghiến (thuộc Danh mục thực vật rừng nguy

cấp, quý, hiếm nhóm IIA), có tổng khối lượng là 3,859m³, có giá trị 39.644.710 đồng (*Ba chín triệu, sáu trăm bốn bốn nghìn, bảy trăm mười đồng*).

- Lần 02: Khoảng tháng 11/2020 (không nhớ ngày cụ thể) tại lô 2, khoảnh 554 đối tượng rừng đặc dụng là rừng tự nhiên thuộc khu vực rừng Phia Buôn, thôn Tát Kê, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, Triệu Nguyên Q, Nguyễn Văn T có hành vi khai thác trái phép 01 cây gỗ Nghiến (thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA) có khối lượng là 7,165m³ có giá trị 69.280.033 đồng (*Sáu chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn, không trăm ba ba đồng*).

Trong vụ án này Triệu Nguyên Q 02 lần khai thác trái phép gỗ nghiến với tổng khối lượng bị thiệt hại là: 11,024 m³ có giá trị 108.924.743 đồng, đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn T 01 lần khai thác trái phép gỗ nghiến với tổng khối lượng bị thiệt hại là 7,165m³ có giá trị 69.280.033 đồng; Lý Càn S 01 lần khai thác trái phép gỗ nghiến với tổng khối lượng bị thiệt hại là 3,859m³, có giá trị 39.644.710 đồng đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế cụ thể là trật tự quản lý về rừng, gây nguy hại đến tài nguyên rừng cũng như hệ sinh thái tự nhiên, loài gỗ các bị cáo khai thác là gỗ Nghiến nhóm IIA thuộc danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm cần được quan tâm, ưu tiên bảo vệ; đồng thời hành vi của các bị cáo còn gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ rừng. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, cần tiền chi tiêu cho bản thân, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án là khác nhau:

Bị cáo Triệu Nguyên Q 02 lần khai thác gỗ Nghiến trái phép; là người tích cực chuẩn bị các công cụ, phương tiện để đi khai thác gỗ; quá trình khai thác bị cáo là người trực tiếp dùng máy cưa để cắt và sơ chế gỗ; sau khi khai thác xong lần thứ nhất, lo sợ bị phát hiện bị cáo đã đi khỏi địa phương, sau đó do hết tiền chi tiêu bị cáo lại tiếp tục cùng T, K đi khai thác gỗ lần thứ hai, thể hiện bị cáo là người có ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo giữ vai trò cáo nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn T tham gia khai thác trái phép gỗ một lần; tích cực chuẩn bị công cụ phương tiện như cùng Q góp tiền mua cưa xăng, dùng thuyền của gia đình mình để làm phương tiện đi lại; khi khai thác bị cáo là người canh gác, canh giới, giúp kê đà, vận chuyển gỗ về gần khu vực nhà bè của mình để cất giấu, khối lượng gỗ bị

cáo tham gia khai thác trái phép là 7,165m³ nên bị cáo giữ vai trò thứ hai sau bị cáo Q. Bị cáo Lý Càn S khi được Q và K rủ đi khai thác gỗ đã ngay lập tức đồng ý; bị cáo biết Q và K đi khai thác gỗ trái phép nhưng vẫn tham gia cùng mục đích bán gỗ lấy tiền chia nhau, khi khai thác bị cáo trực tiếp giúp Q dùng cưa máy sơ chế gỗ, vận chuyển gỗ đi cất giấu; tuy nhiên khối lượng gỗ bị cáo tham gia khai thác trái phép là 3,859m³ là ít hơn so với các bị cáo khác nên bị cáo S giữ vai trò thấp nhất trong vụ án.

Các bị cáo cùng rủ nhau đi khai thác gỗ, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, không có sự phân công, sắp đặt vai trò của từng người nên các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính tiết tăng nặng: Bị cáo T và bị cáo S không có tình tiết tăng nặng; riêng bị cáo Triệu Nguyên Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; bị cáo Q và S là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo T đã tự nguyện nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, riêng bị cáo Thành được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Đối với bị cáo Triệu Nguyên Q phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; bị cáo Lý Càn S qua xác minh tại địa phương thể hiện bị cáo chấp hành các quy định pháp luật của địa phương không đầy đủ, không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên vắng mặt tại địa phương để đi làm thuê tại các địa bàn khác ngoài huyện HY, không rõ địa chỉ ở đâu, ngoài ra S còn có nhiều mối quan hệ với một số đối tượng nghi vận chuyển, khai thác gỗ trái pháp luật; tại phiên tòa bị cáo S cũng khai hiện nay đã ly thân vợ, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không có nơi cư trú rõ ràng, không báo cáo chính quyền địa phương nơi đi và nơi đến cư trú, không cư trú cố định ở đâu nên cần xử phạt bị cáo Q và S hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung; riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS), bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo có đơn xin hưởng án treo và được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác

nhận, tại phiên tòa bị cáo đã thực sự ăn năn hối lỗi nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo. Xử phạt các bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo không có tài sản có giá trị và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị hại là UBND xã KT đề nghị các bị cáo Triệu Nguyên Q và Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường đối với số gỗ nghiến đã lấy đi khỏi hiện trường có tổng khối lượng $0,756\text{m}^3$, trị giá là 7.427.472 đồng để sung vào ngân sách nhà nước, việc UBND xã KT đề nghị bồi thường là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Trong vụ án này tuy bị cáo Q, T và Bàn Hữu K cùng gây thiệt hại nên phải bồi thường theo phần bằng nhau; tuy nhiên hiện nay Bàn Hữu K đã bỏ trốn khỏi địa phương, bị hại yêu cầu bị cáo Q và T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại nên cần buộc bị cáo Q và T có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của UBND xã KT với tổng số tiền là 7.427.472 đồng; trong đó bị cáo Q có trách nhiệm bồi thường 3.713.736 đồng, bị cáo T có trách nhiệm bồi thường 3.713.736 đồng.

Trước khi mở phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện nộp số tiền để bồi thường là 3.715.000 đồng thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0000890, ngày 23/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang, nên cần ghi nhận việc bồi thường của bị cáo và tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 3.715.000 đồng nêu trên; Tại phiên tòa bị cáo Q nhất trí bồi thường số tiền 3.713.736 đồng theo yêu cầu của bị hại nên cần buộc bị cáo Q bồi thường khoản tiền trên theo quy định.

Dành quyền khởi kiện cho bị cáo T và Q yêu cầu Bàn Hữu K hoàn trả số tiền mà các bị cáo đã liên đới bồi thường thay K bằng một vụ án dân sự khác khi các bị cáo có yêu cầu.

[7]. Về vật chứng:

- Đối với 17 đoạn gỗ nghiến tròn được xẻ thành dạng thót; 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365 màu đỏ, cưa không lắp lam xích các bị cáo sử dụng vào việc khai thác gỗ trái phép nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 chiếc đèn pin vỏ nhựa màu đen các bị cáo sử dụng vào việc khai thác gỗ trái phép, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với $10,268\text{m}^3$ gỗ Nghiến còn lại tại hiện trường, sau khi khám nghiệm hiện trường đã bàn giao cho UBND xã KT, huyện NH quản lý theo quy định; Đối với 36 đoạn gỗ Nghiến dạng thót có tổng khối lượng là $0,756\text{m}^3$ các bị cáo lấy đi khỏi hiện trường; 01 chiếc bao tải đũa màu trắng, 03 chiếc dũa tròn, 02 con dao tu, 02 chiếc

đèn pin, 01 văm chữ “T”, 01 xích máy cưa xăng, 01 lam máy cưa xăng; 01 cuộn thuốc dây; 04 can nhựa màu trắng thể tích 05 lít các bị can khai một phần bỏ tại hiện trường, một phần vứt trong quá trình bỏ chạy. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[9]. Về các vấn đề khác: Đối với Phạm Công M, Ma Văn Ng, Phạm Văn C, Nguyễn Văn T quá trình cho mượn máy cưa xăng, thuyền, bán máy cưa xăng, điều khiển thuyền cho các bị cáo. Do không biết hành vi khai thác trái phép gỗ Nghiễn nêu trên nên không đề cập xử lý.

[10]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đối với án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo Quân thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo; các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Nguyên Q; Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lý Càn S; Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Tuyên bố bị cáo Triệu Nguyên Q, Lý Càn S, Nguyễn Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

- Xử phạt bị cáo Triệu Nguyên Q **05** (năm) năm **01** (một) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/6/2021.

- Xử phạt bị cáo Lý Càn S **02** (hai) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/6/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **02** năm **02** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **04** năm **04** tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND thị trấn NH, huyện NH giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 357, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Triệu Nguyên Q có nghĩa vụ bồi thường cho UBND xã KT, huyện NH số tiền 3.713.736 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 3.715.000 đồng để bồi thường cho UBND xã KT, huyện NH theo Biên lai thu tiền số: 0000890, ngày 23/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 3.715.000 đồng nêu trên.

Dành quyền khởi kiện cho bị cáo Q và T yêu cầu Bàn Hữu K hoàn trả số tiền mà các bị cáo đã liên đới bồi thường bằng một vụ án dân sự khác khi các bị cáo có yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 17 đoạn gỗ nghiến tròn được xẻ thành dạng thót; 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna 365 màu đỏ, cưa không lắp lam xích.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc đèn pin vỏ nhựa màu đen.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Na Hang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang lập ngày 09/9/2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Triệu Nguyên Q, Lý Càn S, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Nguyên Q.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Công an huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quan Văn Ngụ Lương Quang Toán

Vũ Mạnh Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chầu Văn Khỏe

Nông Văn Hân

Vũ Mạnh Hồng

